

THÔNG TIN KẾ TOÁN - CÔNG CỤ DÀNH CHO QUẢN TRỊ TẠI CÁC TỔ CHỨC DỰA VÀO TRI THỨC

Vũ Mạnh Chiến *

Ngày nhận: 05/10/2011

Mã số: 2.KT.KT

Từ khóa: Kế toán, thông tin kế toán, quản trị tri thức, công cụ quản trị

Bài viết trình bày sự cần thiết của việc hiểu rõ tầm quan trọng mang tính quyết định của việc nghiên cứu thông tin kế toán trong việc đảm bảo sự tồn tại, hiệu quả kinh doanh và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp trong bối cảnh đầy thách thức của nền kinh tế thế giới hiện nay. Những thay đổi liên tục đã khiến các doanh nghiệp nhận ra rằng thông tin kế toán đóng vai trò như một công cụ quản trị hữu hiệu, giúp đánh giá tình hình thực tại, nhận diện những thời cơ và thách thức từ chính sách tổng thể của doanh nghiệp, hiểu rõ thế mạnh và điểm yếu của mình để ra được những quyết định đúng đắn, kịp thời, và hơn thế nữa là kiểm soát được kết quả kinh doanh của công ty. Cuối cùng, bài viết kết luận rằng những khó khăn trong việc phản ánh hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong bối cảnh bị chi phối bởi xu thế phát triển bền vững đã quyết định việc tôn vinh hệ thống thông tin kế toán tài chính.

Phần giới thiệu: Thông tin kế toán trong nền kinh tế tri thức

Trong suốt thế kỷ trước, chúng ta đã chứng kiến hàng loạt những thay đổi, thúc đẩy sự tiến hóa mang tính nhân văn của xã hội ngày nay, sự chuyển đổi sang một nền kinh tế mới - nền kinh tế dựa vào tri thức. Sự chuyển đổi này đã lan rộng ra phạm vi toàn cầu cùng với xu thế toàn cầu hóa của cả các dòng hàng hóa trao đổi và của cả các dòng thông tin tài chính phi vật chất.

Rất nhiều nhà nghiên cứu đã khẳng định rằng ngày nay, sự giàu có và quyền lực của các doanh nghiệp đến từ các nguồn lực vô hình, đó chính là thông tin (Pierrat, 2000). Có thể khẳng định chắc chắn rằng trong kỷ nguyên số này, thông tin là một trong những nhân tố cơ bản tác động đến việc tăng năng suất và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, các ngành kinh tế, nền kinh tế quốc dân và cả kinh tế thế giới.

Thế giới hơn một thế kỷ nay đã và đang trải qua thời kỳ bùng nổ thông tin. Rất nhiều hoạt động kinh doanh thành công đều dựa trên việc trao đổi thông tin, mà một số nhà nghiên cứu kế toán trên thế giới gọi là tư bản thông tin (Pierrat, 2000). Ở

mức độ doanh nghiệp, việc khẳng định tầm quan trọng của những yếu tố phi vật chất như thông tin là một đột biến quan trọng. Doanh nghiệp là một hệ thống khai thác nguồn lực nhằm mục đích tạo ra lợi nhuận cho các chủ sở hữu vốn thông qua việc phân phối để sử dụng tối ưu các nguồn lực phục vụ cho hoạt động của mình và gắn bó chặt chẽ với thông tin. Để đảm bảo việc phân phối tối các nguồn lực, các doanh nghiệp phải được đo lường, đánh giá chúng và phương tiện thể hiện những việc đó chính là thông tin. Do vậy, Potecea Olga (2008) trong nghiên cứu của mình đã kết luận rằng thông tin là thứ không thể thiếu đối với việc hoạt động của bất kỳ doanh nghiệp nào bởi nó cho phép doanh nghiệp đó đạt được những mục tiêu đã đề ra.

1. Tài sản vô hình trong các doanh nghiệp dựa trên tri thức (1)

Trong bối cảnh chuyển sang nền kinh tế tri thức, các tài sản vô hình ngày càng có giá trị cao, tuy nhiên tầm quan trọng của thông tin kế toán đối với doanh nghiệp tri thức là không thể phủ nhận. Với việc đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, các thông tin kế toán tạo ra những giá trị gia tăng cho

(1) Nguyên bản tiếng Anh là Knowledge-based Company

* TS., Trường Đại học Thương mại

các tổ chức sử dụng thông tin. Vậy, liệu có thể nhập thông tin kế toán vào danh mục tài sản vô hình được không?

Chuẩn mực kế toán quốc tế số 38 (IAS 38) về tài sản vô hình đã đưa ra khái niệm về tài sản vô hình: một tài sản vô hình là một tài sản phi tiền tệ có thể xác định được mà không cần có nội dung vật chất, tài sản này được giữ để sử dụng trong quá trình sản xuất hoặc cung cấp hàng hóa và dịch vụ, cho các bên khác thuê hoặc phục vụ mục đích hành chính. Một tài sản như vậy được kiểm soát và phân biệt rõ ràng với lợi thế thương mại của một doanh nghiệp.

Một tài sản vô hình được ghi nhận là tài sản khi có đủ 2 điều kiện: (1) Có khả năng là doanh nghiệp sẽ thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản này; (2) Giá trị của tài sản có thể tính toán một cách tin cậy. Tất cả các chi phí khác liên quan đến tài sản vô hình được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như chi phí) nghiên cứu, đào tạo, quảng cáo và chi phí chuẩn bị.

Một tài sản vô hình cần được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cho dù tài sản đó có được từ trao đổi với bên ngoài hay phát sinh trong nội bộ. Chi phí phát sinh sau đó cho TSCĐ vô hình được ghi nhận là chi phí, nếu chỉ để duy trì khả năng hoạt động theo tiêu chuẩn của tài sản đó. Những chi phí này có thể được vốn hoá nếu doanh nghiệp có thể thu được các lợi ích kinh tế lớn hơn mức hoạt động theo tiêu chuẩn ban đầu. Tuy nhiên, những tiêu chuẩn này chỉ có rất ít các yếu tố vô hình tạo nên vốn tri thức là có thể đáp ứng được. Kết quả là hầu hết các tài sản vô hình được mua thông qua các giao dịch được ghi nhận là tài sản, trong khi các yếu tố tương tự được sản xuất trong nội bộ được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Hơn thế nữa, do việc đánh giá của các nguồn lực vô hình rất khó để kiểm tra nên các nguồn lực này rất có thể được sử dụng để chi phối hoặc thậm chí là thay đổi kết quả kinh doanh.

Đối với bất kỳ một dự án nội bộ nào nhằm tạo ra một tài sản vô hình cần phân biệt giữa giai đoạn nghiên cứu và giai đoạn phát triển, chi phí trong giai đoạn nghiên cứu được hạch toán để lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Mặc dù có nhiều nghiên cứu về tầm quan trọng của thông tin kế toán trong việc tạo ra các giá trị gia tăng cho doanh nghiệp thì việc xác định giá trị này vẫn gặp nhiều trở ngại. Liệu có thể có một cách tiếp cận nào về giá trị gia tăng từ thông tin kế toán cho phép so sánh giữa các đối tác kinh doanh?

Trong nền kinh tế hiện nay, khoản mục có thể định giá dễ dàng nhất chính là tiền mặt. Mặc dù vậy, nhiều khi tiền mặt không thể làm công cụ đo lường cho tất cả mọi thứ. Kết quả là việc quản trị thông tin kế toán đòi hỏi phải áp dụng phương pháp mới cho phép khắc phục hạn chế này. Trong số các phương pháp tiếp cận đã sử dụng, ta có thể chia làm hai quan điểm. Quan điểm thứ nhất là quan điểm định lượng hoàn toàn, tìm cách điều chỉnh các yếu tố trong kế toán tài chính. Quan điểm thứ hai là quan điểm định tính, hướng tới việc tìm ra một vài cách thức đánh giá khác cho doanh nghiệp.

Giải pháp cho tình thế này có thể là kỹ thuật đối sánh benchmarking⁽²⁾. Với phương pháp này, các hoạt động của năm hiện tại sẽ được so sánh với các hoạt động của năm trước đó và so sánh với đối thủ cạnh tranh. Bằng cách này, tài sản vô hình trở nên "nhìn thấy được" và có thể đo lường được. Tuy nhiên, hiện chưa có một phương pháp nào có thể đo được chính xác "trọng lượng" và "dòng" của thông tin kế toán cần thiết cho việc quản trị cạnh tranh của các đối tác kinh doanh.

Trong nghiên cứu "Các phương pháp đo lường tài sản vô hình" (Sveiby K, 2001), Karl Sveiby đã đề xuất nhóm các phương pháp đánh giá tài sản vô hình như: các phương pháp trực tiếp đánh giá vốn tri thức, các phương pháp đánh giá dựa trên tư bản hóa thị trường, các phương pháp đánh giá dựa trên tỷ lệ quay vòng vốn tài sản và các phương pháp đánh giá dựa trên thế điểm cân bằng⁽³⁾.

Việc định lượng thông tin đòi hỏi phân tích bởi các kế toán chuyên nghiệp, tuy nhiên do chưa có việc tiêu chuẩn hóa của hầu hết các chỉ số được sử dụng nên các chuyên gia đánh giá còn chưa đồng nhất. Sự thiếu tiêu chuẩn hóa này là bởi trong hầu hết các trường hợp, các phương pháp đánh giá hiện tại chỉ được sử dụng cho một vài doanh nghiệp và vì thế, các phương pháp này

(2) Benchmarking là kỹ thuật được sử dụng để so sánh tình hình hoạt động giữa các tổ chức khác nhau nhưng hoạt động trong lĩnh vực tương tự nhau hoặc giữa các bộ phận trong cùng một tổ chức (chú thích của tác giả)

(3) Balanced Scorecard

được hình thành trên cơ sở hoàn cảnh cụ thể của các doanh nghiệp được phân tích chứ không thể áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp được.

Thông tin tự nó không có giá trị. Giá trị của thông tin nằm ở việc sử dụng trong việc ra quyết định, khi mà chi phí tạo ra thông tin đó đã được quy nạp. Xu hướng hiện nay là phát triển thông tin đã được xử lý của người này từ thông tin đã xử lý của người khác, tức là cập nhật hơn. Nhưng một thông tin chỉ có thể hữu ích khi nó mang lại những giá trị có ích trong quá trình ra quyết định, còn trong những hoàn cảnh khác thì thông tin đó vô giá trị. Chỉ sau khi các dữ liệu được tiếp nhận và xử lý, cùng với việc chuyển đổi ý nghĩa của các dữ liệu trong thông tin thì các dữ liệu đó mới có giá trị. Giá trị đó thể hiện qua việc sử dụng thông tin để củng cố quá trình ra quyết định của doanh nghiệp.

2. Hệ thống thông tin kế toán (AIS) công cụ đắc lực cho quản trị trong các doanh nghiệp dựa trên tri thức

Những thách thức mới đặt ra cho quản trị doanh nghiệp kéo theo sự nhận thức đúng đắn về tính thiết yếu và tầm quan trọng của thông tin trong việc đảm bảo sự tồn tại, kinh doanh và phát triển lâu dài của các doanh nghiệp tri thức. Những khó khăn trong các hoạt động của các doanh nghiệp được sinh ra từ sự phát triển liên tục dẫn đến việc phải coi trọng hệ thống thông tin tài chính và đưa ra những thuật ngữ mới là: quản trị tri thức, giao dịch tri thức, chia sẻ tri thức và doanh nghiệp tri thức. Sự phát triển của các công ty lớn và các tập đoàn công nghiệp đã làm gia tăng tính phức tạp của thông tin. Tất cả những thay đổi trong nền kinh tế thế giới cho thấy sự cần thiết cần phải có một hệ thống thông tin kế toán áp dụng được cho các doanh nghiệp tri thức, để xác định thực trạng của các doanh nghiệp này, thấy được nguy cơ và cơ hội liên quan đến chính sách của các doanh nghiệp, nhìn ra điểm mạnh, điểm yếu, từ đó có thể đưa ra các quyết định hợp lý kịp thời và hơn nữa là có thể kiểm soát được hiệu quả đạt được.

Hệ thống này đưa ra câu trả lời cụ thể cho các câu hỏi liên quan đến nhu cầu về tính minh bạch của thông tin trong các doanh nghiệp tri thức, chủ yếu dành cho các yếu tố quyết định, ảnh hưởng đến chính sách của các doanh nghiệp tri thức. Để nghiên cứu kỹ về hệ thống này, chúng tôi xuất phát từ nhu cầu làm rõ các nguyên nhân quyết định sự

xuất hiện của các doanh nghiệp tri thức, xác định loại nhóm và mối quan hệ có thể xuất hiện trong các doanh nghiệp tri thức này.

Theo tuần tự các bước này, chúng tôi lập ra các yêu cầu cho việc hoạt động có hiệu quả, chỉ ra các giới hạn có thể xảy ra trong hoạt động của hệ thống thông tin kế toán, hay còn được gọi là dòng chảy thông tin, trả lời các câu hỏi "cái gì? bằng cách nào? với cái gì hoặc với ai? kết quả là gì?" cho mỗi hệ thống và ai sẽ là người sử dụng cuối cùng các thông tin được cung cấp từ hệ thống chi tiết. Về những yêu cầu của hệ thống, chúng tôi nhận thấy rằng cần phải có một cái nhìn đúng đắn về các doanh nghiệp tri thức, cần phải đưa ra thông tin vào thời gian thích hợp nhằm giúp việc quản trị hiệu quả, và tùy theo các yêu cầu do VAS/IAS/IFRS đặt ra. Liên quan đến các hạn chế có thể có trong việc điều hành hệ thống, chúng tôi xác định được các hạn chế này là do chu kỳ hoạt động của thời gian, hạn chế về luật pháp, hạn chế về tài chính và hạn chế về việc quản lý thông tin kế toán bên trong doanh nghiệp.

Việc đánh giá và công nhận các thông tin kế toán (như đã nêu ở phần 1) trong các báo cáo tài chính đòi hỏi những cách thức đánh giá cụ thể áp dụng cho các doanh nghiệp tri thức và hơn nữa, các doanh nghiệp này liên kết với nhau trong hầu hết các trường hợp. Vì vậy, chúng tôi định nghĩa hệ thống thông tin kế toán chi tiết được sử dụng để lên báo cáo tài chính theo quy định của VAS/IAS/IFRS, là thuật toán xử lý hay kết nối thông tin, hay cũng chính là chức năng của hệ thống này.

Chúng tôi định nghĩa hệ thống thông tin kế toán chi tiết dành cho các báo cáo bổ trợ: là công cụ bổ sung cho quản trị tại các doanh nghiệp tri thức. Từ những điều này, chúng tôi xác định được mục tiêu, nội dung của hệ thống thông tin chi tiết, đưa ra khái niệm thuật toán xử lý/kết nối, định nghĩa các nguồn lực (nguyên liệu, khoa học kỹ thuật và con người) được sử dụng trong quá trình xử lý/kết nối thông tin và kiểm tra lại những tồn tại từ hệ thống thông tin chi tiết.

Mục tiêu của hệ thống thông tin kế toán là tạo ra sự kết nối trực tiếp và song phương kịp thời giữa hai hệ thống: điều hành và quyết định.

Cho việc điều hành - hệ thống thông tin chi tiết hỗ trợ việc lập các báo cáo tài chính hàng năm phù hợp với các điều khoản của VAS/IAS/IFRS.

Hình 1: Bảng xử lý thông tin trong hệ thống thông tin kế toán của doanh nghiệp trực thuộc dành cho việc lập các báo cáo tài chính - theo VAS/IAS/IFRS

Đầu vào của hệ thống cấp dưới	Bảng cân đối kế toán của tất cả doanh nghiệp trong tập đoàn	1. Xem xét lại và điều chỉnh từng báo cáo tài chính bộ phận của báo cáo hợp nhất; Đánh giá các thông tin kế toán, việc áp dụng các thông tin kế toán cho phép so sánh	Bảng cân đối kế toán hợp nhất	Hệ thống thông tin cấp dưới
	Lãi và lỗ đối với từng thành viên trong tập đoàn Biến động vốn chủ sở hữu trong các thành viên của tập đoàn	2. Lũy kế các yếu tố trong các báo cáo tài chính các đơn vị thuộc tập đoàn	Tài khoản lãi lỗ hợp nhất	
	Biến động vốn chủ sở hữu trong các thành viên của tập đoàn	3. Loại bỏ các khoản mục và kết quả nội bộ	Hợp nhất tài khoản lãi lỗ	
	Dòng các quỹ cho mỗi thành viên trong hệ thống Chính sách kế toán cho mỗi thành viên của tập đoàn	4. Loại bỏ các khoản mục và kết quả nội bộ	Thống nhất về dòng chảy về vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp	
		5. Loại bỏ góp vốn danh nghĩa của các cổ đồng	Dòng tiền hợp nhất	
		6. Xử lý thông tin và hợp nhất số học theo VAS/IAS/IFRS	Chính sách kế toán	

- Đối với các quyết định, hệ thống thông tin kế toán cấp trực thuộc dùng cho việc lập các báo cáo bổ sung, được dùng như công cụ thông tin bổ sung cho quản trị tại các doanh nghiệp tri thức.

Hình 2: Bảng xử lý thông tin trong hệ thống thông tin kế toán chi tiết dành cho việc sử dụng các công cụ thông tin bổ sung cho quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh thông tin

Đầu vào của hệ thống cấp trực thuộc	Các thông tin hiện tại được yêu cầu	1. Xác định công ty mẹ và các công ty con, xác định các thông tin về chủ sở hữu	Đầu ra của hệ thống cấp trực thuộc		
		2. Xác định các chỉ số thời gian, doanh nghiệp và tỷ lệ tham gia của các thành viên (ID)			
		3. Xuất ra các hồ sơ giao dịch sẽ được các công ty con dùng cho việc hợp nhất			
	Cập nhật thông tin	4. Xử lý các thông tin do công ty nước ngoài cung cấp		Các bảng quản lý thường nhật	
		5. Kiểm tra lại các thông tin (gói) do các công ty con cung cấp, từ các thành viên tham gia, các phương pháp đo lường và các hồ sơ giao dịch		Các bảng quản lý cập nhật hàng tháng, hàng quý, hàng năm và 6 tháng 1 lần	
		6. Nhập các thông tin từ các chương trình lưu trữ dữ liệu "data mart" và "data warehouse" từ công ty mẹ.		Các lưu ý đặc biệt (theo như các sự kiện có tác động lớn đến hoạt động của doanh nghiệp)	
		7. Xử lý các thông tin được nhập từ công ty mẹ thông qua hệ thống khai thác dữ liệu		Các báo cáo khác được ấn định trước trong hệ thống	
		Các thông tin đặc biệt		8. Lập bảng điều khiển, báo cáo và các thông báo	
				9. Xử lý số học cho các thông tin tài chính cho việc quản lý doanh nghiệp tri thức	

3. Những trao đổi nhằm nâng cao giá trị sử dụng thông tin kế toán phục vụ công tác lãnh đạo quản lý chiến lược dựa trên tri thức

Trên cơ sở các nội dung và bình luận nêu trên, chúng tôi nhận thấy việc quản lý chiến lược dựa trên tri thức cần sử dụng rất nhiều các thông tin kế toán, đặc biệt đối với các doanh nghiệp xây dựng mô hình tổ chức theo kiểu mẹ con hoặc có đơn vị trực thuộc.

Về nguyên tắc, các thông tin kế toán chia thành 02 loại là thông tin của kế toán tài chính và thông tin của kế toán quản trị. Việc tổng hợp các thông tin kế toán tài chính là việc làm mang tính bắt buộc và chịu sự chi phối bởi các quy định hiện hành về kế toán và thuế. Tuy nhiên, đối với các thông tin kế toán quản trị, nội bộ các nhà quản trị doanh nghiệp hoàn toàn có thể đề nghị bộ phận kế toán cung cấp.

Việc nâng cao giá trị sử dụng thông tin kế toán sẽ trở nên khả thi trong trường hợp:

Doanh nghiệp định danh chính xác các nhu cầu về thông tin phục vụ cho quản lý chiến lược, đặc biệt là các thông tin về những tài sản mang tính vô hình;

Xây dựng bản đồ truyền tin từ địa điểm gốc phát sinh đến các tập hợp trung gian từ các đơn vị trực thuộc và tổng hợp ở đơn vị chính;

Xây dựng các chỉ tiêu đánh giá chất lượng thông tin được cung cấp;

Thường xuyên nghiên cứu, xem xét và điều chỉnh các tiêu chí kiểm soát thông tin.

Kết luận:

Những thách thức mới đặt ra cho quản lý doanh nghiệp làm nổi bật nhu cầu và tầm quan trọng của thông tin đối với việc đảm bảo sự tồn tại, kinh doanh và phát triển của tập đoàn. Sự khó khăn trong việc phản ánh hoạt động của doanh nghiệp phát sinh do sự phát triển không ngừng của xã hội buộc các công ty phải xem xét lại hệ thống thông tin tài chính và đưa ra các khái niệm mới: quản trị tri thức, chuyển giao tri thức, chia sẻ tri thức và doanh nghiệp tri thức. Sự phát triển liên tục của các công ty lớn và các tập đoàn công nghiệp đã làm tăng lên mức độ phức tạp của thông tin.

Tất cả những sự thay đổi trong nền kinh tế thế giới đã đặt ra nhu cầu về một hệ thống thông tin kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp tri thức. Hệ thống này sẽ:

- Cho thấy thực trạng

Chỉ ra những thời cơ và thách thức liên quan đến chính sách của doanh nghiệp tri thức

Chỉ ra điểm mạnh và điểm yếu

- Đưa ra các quyết định phù hợp trong thời gian nhất định

- Và hơn thế nữa, kiểm soát được hiệu quả đạt được

Điều quan trọng đặc biệt cho quá trình ra quyết định kinh doanh là phải nắm được cách thức hiểu và xử lý từng thông tin riêng biệt. Chúng ta cũng có thể cân nhắc đến khả năng tạo ra các hình thức ra quyết định dựa trên nền tảng các thông tin thay đổi và xử lý thông tin với chi phí thấp hơn và hữu ích hơn cho người sử dụng.

Hầu hết các nhà quản trị đều nhất trí rằng thông tin là phương tiện quản lý có giá trị và quan trọng nhất của họ. Tuy nhiên, khó khăn là làm thế nào để đo lường và báo cáo về thứ tài sản quan trọng này. Không có tổ chức nào có thể định giá trọn vẹn các tài sản vô hình và các nguồn lực tri thức, hai thứ có thể kết hợp với nhau và tạo ra giá trị mãi mãi. Câu hỏi đặt ra là, ở đâu trong số những tài sản này là quan trọng nhất để đạt được các mục tiêu chiến lược và chúng kết hợp với nhau như thế nào để tạo ra các lợi thế có tính cạnh tranh hơn, bền vững hơn và giá trị hơn. ♦

Tài liệu tham khảo:

1. American Accounting Association (AAA), *Financial Accounting Standards Committee (FASC), Response to the FASB's Exposure Draft on Fair Value Measurements, Accounting Horizons*, Vol. 19, No. 3, September 2005, 187-196.

2. Financial Accounting Standards Board (FASB), *Qualitative Characteristics of Accounting Information*, Statement of Financial Accounting Concepts No. 2, Stamford, CT: FASB, May 2006.

3. Potecea Olga, *Accounting Information System Power Instrument for Company Groups Advanced Management*, <http://ssrn.com/abstract=1094292>, 2008.

4. Radneantu N, *The Accounting Information In Knowledge Based Economy*, The 4th International Conference "Economy and Transformation Management", Timisoara 9-10 mai 2008, cotata CNCSIS B+.

VẬN DỤNG KINH TẾ TRI THỨC NHẪM NÂNG CAO SỨC CẠNH TRANH CỦA NÔNG SẢN XUẤT KHẨU VIỆT NAM

Nguyễn Thu Quỳnh *

Ngày nhận: 05/10/2011

Mã số: 2.TMQT

Từ khóa: Kinh tế tri thức, nông sản xuất khẩu, sức cạnh tranh, hội nhập kinh tế quốc tế

Trong thế giới ngày nay, khi toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế là xu thế tất yếu và khoa học công nghệ phát triển như vũ bão, tài nguyên thiên nhiên, vị trí địa lý và nguồn lao động giá rẻ đang mất dần vai trò quan trọng đối với thành công của các sản phẩm xuất khẩu. Thay vào đó, vận dụng tri thức, cụ thể là quá trình tạo ra, tiếp nhận và khai thác một cách có hiệu quả tri thức đóng vai trò quyết định đối với sự thành công của nông sản nước ta trên thị trường quốc tế.

Bài viết tập trung phân tích thực trạng sức cạnh tranh của nông sản xuất khẩu nước ta trong thời gian qua, sự cần thiết vận dụng kinh tế tri thức và đề xuất một số giải pháp cho các doanh nghiệp xuất khẩu nhằm vận dụng kinh tế tri thức để nâng cao năng lực cạnh tranh của nông sản xuất khẩu.

1. Thực trạng sức cạnh tranh của nông sản xuất khẩu nước ta

Nông sản là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của

Việt Nam, mang lại nguồn ngoại tệ lớn cho đất nước (năm 2010, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm sản đạt khoảng 19 tỷ USD) và giải quyết công ăn việc làm cho hàng chục triệu lao động. Các mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực bao gồm gạo, cà phê, cao su, chè, hạt tiêu... đã khẳng định được vị thế khi xuất hiện tại hầu hết các châu lục với khối lượng xuất khẩu vào loại hàng đầu thế giới và không ngừng gia tăng. Tuy nhiên, thực tế cho thấy năng lực cạnh tranh của nông sản xuất khẩu nước ta còn thấp và trên thị trường quốc tế, nông sản vẫn chưa có được chỗ đứng tương xứng với tiềm năng sản xuất nông nghiệp của Việt Nam.

Nông sản xuất khẩu của nước ta có năng suất, chất lượng không đồng đều và thấp hơn rất nhiều so với các nước trên thế giới. Giống cây trồng và vật nuôi được nông dân tự sản xuất từ vụ thu hoạch trước hoặc mua giống trên thị trường tự do mà không có sự đảm bảo về chất lượng, đặc biệt là giống các loại cây ăn quả, cây lương thực, cây rau... Năng suất lúa của Việt Nam chỉ bằng 61% năng suất lúa của Trung Quốc và thấp hơn nhiều so với lúa của Nhật Bản, Italia, Mỹ; năng suất cà chua chỉ bằng 65% năng suất cà chua thế giới; Cao su chỉ đạt năng suất 1,1 tấn/ha, so với năng suất thế giới là 1,5-1,8 tấn/ha (thấp hơn tới 30-40%)...; Cà phê xuất khẩu có lượng quả chín chỉ chiếm 35-50% trong khi tỷ lệ này của Brazil là 90-95%.

Summary

The paper presents the need of understanding the significance of researching accounting information in ensuring business effectiveness and maintaining sustainable development of enterprises in the challenging context of the world economy. Constant changes have made enterprises realize that accounting information becomes an effective management tool which helps them to evaluate the present situation, identify opportunities and challenges from their overall policies, understand their strengths and weaknesses to make prompt decisions to successfully maintain their business effectiveness. The paper concludes that the difficulties in reflecting an enterprises performance as affected by sustainable development trend have raised the importance of the accounting information system.

* ThS., Trường Đại học Thương mại